

CHIA SẺ KINH NGHIỆM DẠY NGHE

Chủ nhiệm: Ths. Vũ Thị Thu Hương

Thành viên: Ths. Nguyễn Thị Thanh Hương

Thể loại: Sáng kiến kinh nghiệm

Đơn vị: TT Seiko

Email: Huongvtt@bcit.edu.vn

I. Lời nói đầu

Mục tiêu của môn Tiếng Anh là nhằm hình thành và phát triển ở học sinh – sinh viên những kiến thức kỹ năng cơ bản về tiếng Anh và những phẩm chất trí tuệ để tiếp tục học lên cấp học cao hơn hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Trong những năm qua, giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp là phương pháp chủ đạo được áp dụng rộng rãi cho nhiều lớp học ngoại ngữ. Việc rèn luyện cho người học kỹ năng giao tiếp được xem là mục tiêu cơ bản trong tiến trình dạy học ngôn ngữ trong đó bốn kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết đều được đặc biệt chú trọng.

Nghe hiểu được xem là kỹ năng khó rèn luyện nhất trong bốn kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời Nghe hiểu không còn là kỹ năng ngôn ngữ thụ động đòi hỏi kỹ năng tiếp nhận (receptive skill) như một số giáo viên quan niệm trước đây. Nghe hiểu trở thành kỹ năng chủ động trong đó người học đóng vai trò tích cực của người tham dự vào thông tin được, xử lý thông tin, hiểu và giải mã thông tin để cuối cùng phản hồi lại thông tin đó. Chỉ khi nào người nghe có thể phản hồi được thì tiến trình nghe mới hoàn tất, quá trình giao tiếp mới đạt được mong muốn. Kỹ năng nghe tốt có thể làm hỏng tiến trình giao tiếp. Nghe hiểu, vì thế, được xem là yếu tố cơ bản trong quá trình giao tiếp. Người học muốn nâng cao khả năng giao tiếp không còn cách nào khác là phải trau dồi, rèn luyện kỹ năng Nghe hiểu này.

II. Thực trạng giảng dạy và học tập kỹ năng nghe hiểu môn học tiếng Anh ở trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp

Dựa trên kết quả của các phiếu điều tra đối với đối tượng người học (46 sinh viên lớp 46CD-KT1) và đối tượng người dạy (07 giáo viên), đồng thời trên cơ sở đánh giá chủ quan của người nghiên cứu qua các buổi dự lớp và các cuộc phỏng vấn không chính thức, có thể nhìn nhận thực trạng sau về tiến trình dạy và học nghe cho đối tượng sinh viên không chuyên ngữ:

1. Về phía người học

Về phía người học, phải thừa nhận thực tế là mặc dù đã qua ít nhất 7 năm (85%), hoặc thậm chí là 10 năm (15%) học tiếng Anh ở chương trình phổ thông, đối với đa số sinh viên (76%), nghe hiểu là môn học khá mới mẻ và hầu hết (98%) cho rằng nghe hiểu là môn học khó nhất. Với 06 tiết học tiếng Anh mỗi tuần trong

15 tuần mỗi học kỳ, thời lượng giành cho học nghe ở lớp là chưa đủ, trong khi đó chỉ có 25% sinh viên thừa nhận có luyện nghe thêm ở nhà từ 1 - 2 giờ / tuần.

Hơn nữa, động cơ để nghe hiểu bằng tiếng Anh ở học sinh, sinh viên còn hạn chế. Nhiều em ít có cơ hội để nghe, ít tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng mà có thể qua đó nghe tiếng Anh. Một số em còn ngại nghe và nói bằng tiếng Anh, còn sợ bị mắc lỗi. Học sinh chưa quen với tốc độ đọc, nói trong băng đĩa của người nói tiếng Anh bản ngữ.

Thêm vào đó, thói quen dịch sang tiếng Việt để hiểu từng câu chữ, mong muốn nghe và nhớ được 100% thông tin cũng làm không ít sinh viên (63%) không phân biệt được đâu là nội dung cốt lõi cần nắm bắt, đâu là thông tin thứ yếu có thể bỏ qua trong quá trình nghe.

Tình trạng lớp đông vẫn còn phổ biến ở các lớp không chuyên ngữ làm hạn chế tính hiệu quả của quá trình dạy - học nghe. Thực tế thì trong quá trình dạy và học môn nghe hiểu cho đối tượng này, người dạy ý thức được và người học thường gặp phải một số khó khăn sau:

Trở ngại trước tiên phải kể đến là sự thiếu kiến thức ngôn ngữ. Vốn từ hạn chế là trở ngại lớn nhất đối với quá trình nghe hiểu của người học (83%). Đó là chưa kể đến yếu tố tâm lý căng thẳng khi nghe có thể biến những từ quen thuộc trở thành từ mới không nhận ra nổi trong quá trình nghe. Cách phát âm từ vựng còn làm tăng độ khó của môn nghe lên nhiều lần. Những biến đổi âm trong lời nói nhanh và liên tục so với cách phát âm rõ ràng từng âm tiết của giáo viên ở lớp cũng là trở ngại đáng kể.

Tiếp đó là sự hạn chế kiến thức về lĩnh vực đề cập đến trong bài nghe và sự hổng kiến thức văn hóa.

Vấn đề tâm lý cũng là một khó khăn khác đối với người học trong tiếp nhận và phản hồi thông tin. Một trong những yếu tố tâm lý dẫn đến tình trạng không nắm bắt được thông tin được nhiều sinh viên (58%) chia sẻ là người nghe không thể quyết định nhịp độ hay cỡ nhỏ thông tin thành từng mảng để kiểm soát như khi đọc, viết hoặc nói.

Tuy nhiên, một vài ưu điểm có thể nhìn nhận từ phía người học như: Học sinh, sinh viên đã từng bước làm quen với kỹ năng nghe hiểu; nhiều học sinh đã nghe và nhận biết được giọng nói của người bản ngữ; một số học sinh đã nghe được những bài nghe có nội dung đơn giản; một số ít học sinh, sinh viên đã hình thành kỹ năng, kỹ xảo trong học tập.

2. Về phía người dạy

Người dạy đã bước đầu tiếp cận sử dụng các kỹ thuật dạy học đặc trưng- kỹ thuật dạy nghe, quen và chủ động với cách thức tổ chức một tiết dạy nghe, phối hợp khá linh hoạt các kỹ thuật dạy học, sử dụng vận hành các trang thiết bị dạy học hiện đại phục vụ cho quá trình dạy nghe: băng đĩa, CD player, projector.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp truyền thống trong giảng dạy ngôn ngữ kể cả dạy nghe hiểu ở một số giáo viên khiến hiệu quả của tiến trình dạy nghe chưa đạt được kết quả như mong muốn. Một số giáo viên cũng ý thức được

sự cần thiết phải thay đổi phương pháp dạy nhưng do thời lượng eo hẹp ở lớp nên không thể áp dụng được nhiều biện pháp hữu hiệu để thay đổi tình hình.

Vẫn còn một số giáo viên gặp một số khó khăn nhất định trong việc thực hiện các thao tác, kỹ thuật dạy nghe, trong việc lựa chọn các kỹ thuật cho phù hợp với từng tiết dạy, từng giai đoạn của tiết dạy.

3. Trang thiết bị

Nhà trường hiện có 02 phòng lab, tuy nhiên các trang thiết bị trong phòng khá cũ và một số tai nghe đã hỏng. Mặt khác, chính những giáo viên dạy ngoại ngữ trong nhà trường cũng không được huấn luyện để khai thác triệt để các tính năng của các trang thiết bị sẵn có trong phòng lab. Hơn nữa, trong một vài năm gần đây phòng lab hầu như không sử dụng trong các tiết dạy tiếng Anh.

III. Một số giải pháp thực tế để tiến hành một tiết dạy nghe đạt hiệu quả

Từ thực trạng trên, chúng tôi xin được chia sẻ một số giải pháp thực tế nhằm nâng cao hiệu quả của tiến trình dạy kỹ năng nghe như sau:

1. Lập kế hoạch cho một tiết dạy nghe:

a. Đối với giáo viên:

Để một tiết dạy nghe được tốt thì người giáo viên cần thực hiện các bước:

- Nghiên cứu kỹ nội dung tiết dạy từ giáo trình giảng dạy và sách giáo viên nhằm giúp giáo viên tổ chức, điều khiển tiết dạy nghe đi đúng trọng tâm, trọng điểm, phân bố thời gian cho các bước, các hoạt động một cách khoa học.
- Nghiên cứu kỹ mục đích yêu cầu của tiết dạy: thông thường mục đích yêu cầu của tiết dạy là giúp học sinh luyện tập và phát triển các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) trong đó kỹ năng nghe là chủ yếu.
- Lựa chọn và phối hợp các kỹ thuật dạy nghe (*Listening Techniques*) một cách linh hoạt và phù hợp.
- Sử dụng tốt các phương tiện, đồ dùng dạy học phục vụ cho tiết dạy nghe.
- Trao đổi, thảo luận với đồng nghiệp về phương pháp giảng dạy.

b. Đối với học sinh, sinh viên:

Giáo viên yêu cầu học sinh chuẩn bị tốt cho tiết học bằng cách :

- Đặt câu hỏi gợi mở về bài mà các em sắp được học để học sinh, sinh viên tư duy.
- Yêu cầu người học thực hiện một số bài tập liên quan đến nội dung tiết dạy.
- Khuyến khích người học tự tin, chủ động, sáng tạo, nêu ra những vấn đề, câu hỏi có liên quan đến bài dạy.

2. Thực hiện tốt tiến trình dạy nghe

Tiến trình của một tiết dạy nghe bao gồm ba giai đoạn: Pre-Listening, While-Listening, và Post-Listening. Tiến trình này không những giúp học sinh nắm hiểu bài mà còn giúp các em sử dụng kỹ năng nghe trong giao tiếp thực tế.

a. Pre-Listening: (7 phút)

(True/ False Prediction, Open Prediction, Ordering, Pre-Questions)

Phát triển kỹ năng nghe là một việc không dễ. Để giúp học sinh, sinh viên hiểu được bài nghe, chúng ta có thể cho các em thực hiện các hoạt động chuẩn bị trước khi nghe. Tại sao cần thực hiện các hoạt động chuẩn bị rèn luyện kỹ năng nghe? Rất nhiều học sinh, sinh viên ngại việc nghe, và các em có thể sẽ nản lòng khi nghe một điều mà mình không hiểu được nhiều. Các hoạt động chuẩn bị rèn luyện kỹ năng nghe nhằm :

- *Thiết lập ngữ cảnh*
- *Gây hứng thú*
- *Kích hoạt những hiểu biết có sẵn của học sinh – Các em biết gì về?*
- *Cung cấp kiến thức*
- *Kích hoạt từ vựng / ngôn ngữ*
- *Đoán trước nội dung*
- *Dạy trước từ vựng*
- *Kiểm tra lại xem học sinh có hiểu yêu cầu của các hoạt động nghe*

b. While-Listening: (20 phút)

(Selecting, Deliberate Mistakes, Grids, Listen and Draw, Comprehension Questions)

Ở giai đoạn này, giáo viên đưa ra các dạng bài tập, yêu cầu học sinh thực hiện. Học sinh có thể mắc lỗi ở giai đoạn này vì vậy giáo viên chú ý cần sửa lỗi cho học sinh và đưa ra các phương án đúng.

Giáo viên bật đĩa CD từ 2 đến 3 lần (tùy thuộc vào mức độ khó – dễ của nội dung thông tin, nếu quá khó có thể nhiều lần hơn. Lần đầu giúp học sinh làm quen với bài nghe hiểu và bao quát nội dung bài nghe (pendown). Lần thứ hai nghe thông tin chính để hoàn thành bài tập. Lần thứ ba nghe và kiểm tra lại bài tập đã làm. Mục tiêu chính của nghe hiểu là học sinh nghe lấy nội dung chính hay thông tin chi tiết đồng thời hiểu được thái độ quan điểm của tác giả. Do đó giáo viên cho học sinh nghe cả bài để nắm được đại ý cũng như bố cục bài và làm bài tập, sau đó có thể cho nghe lại từng đoạn để nắm kết quả hoặc nghe lại những chỗ khó để khẳng định đáp án.

c. Post-Listening: (10 phút)

(Roleplay, Recall the story, Write - it - up, Further practice...)

Ở giai đoạn này người học sử dụng kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ đã được luyện tập ở giai đoạn “While – Listening” vào các tình huống giao tiếp thực tế, có ý nghĩa. Sau khi nghe học sinh cần thực hiện một số bài tập như: báo cáo trước lớp hay trong nhóm về kết quả bài tập, các học sinh khác nghe, cho ý kiến nhận xét, hoặc chữa bài cho bạn. Giáo viên cần kết hợp các kỹ năng khác như recall, write-it-up, discussion...

3. Hướng dẫn học sinh, sinh viên tự rèn luyện kỹ năng nghe.

Để học sinh, sinh viên có thể tự rèn luyện kỹ năng nghe một cách hiệu quả thì giáo viên cần hướng dẫn các em một số phương pháp.

- *Phát âm tiếng Anh thật tốt*
- *Phương pháp nghe và chép chính tả*
- *Tập trung*
- *Tâm lý thoải mái và khả năng dự đoán*

Dưới đây là một số nguồn tài liệu phục vụ cho việc rèn luyện kỹ năng nghe hiểu.

***Dành cho người mới bắt đầu học tiếng Anh**

(1) <http://learningenglish.voanews.com/> (Giọng Anh - Mỹ) → chọn level mới bắt đầu

(2) <http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/general/sixminute/> (Giọng Anh - Anh)

(3) <http://learnenglish.britishcouncil.org/en/elementary-podcasts> (Giọng Anh - Anh)

(4) <http://spotlightenglish.com/listen/>

***Dành cho người học với vốn tiếng Anh ở cấp độ cao hơn**

(5) <http://learningenglish.voanews.com/> (Giọng Anh - Mỹ)

(6) <https://learnenglish.britishcouncil.org/en/magazine> (Giọng Anh - Anh)

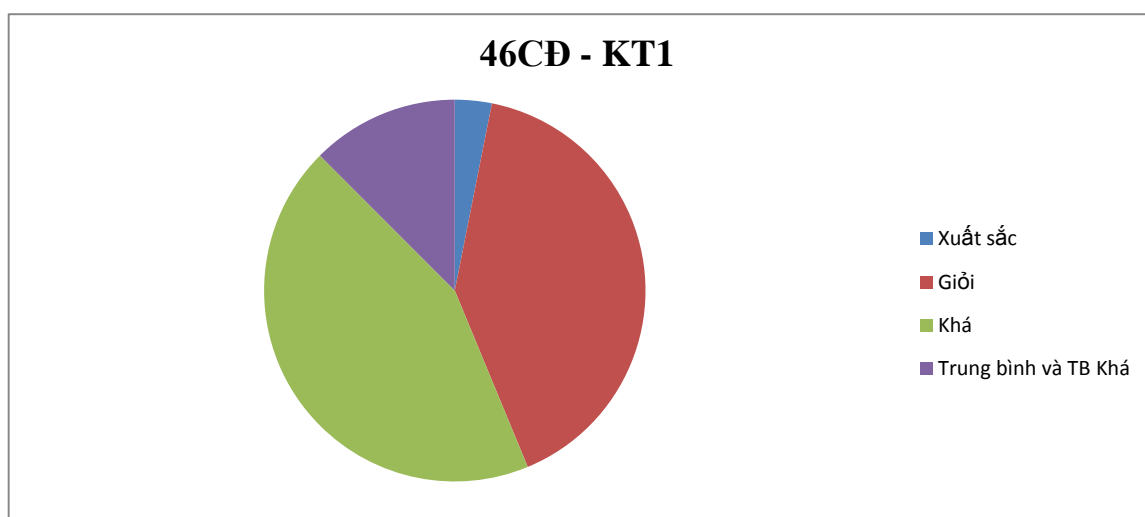
IV. Những kết quả đạt được sau khi áp dụng sáng kiến

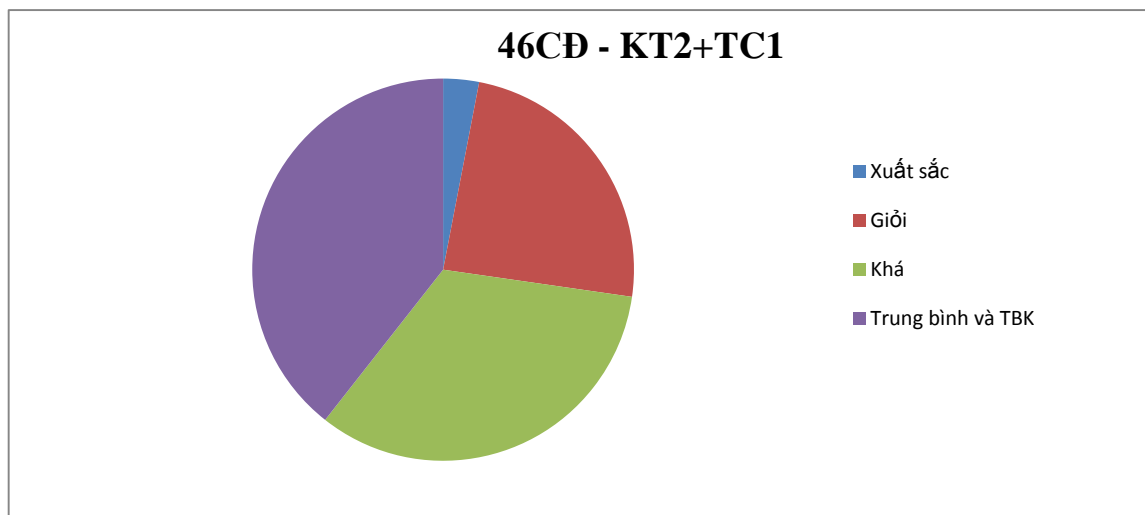
Việc vận dụng sáng kiến kinh nghiệm này bản thân chúng tôi đã đạt được một số kết quả khả quan như sau:

- Học sinh có hứng thú học tập hơn, tích cực, chủ động, sáng tạo để mở rộng vốn hiểu biết, đồng thời cũng rất linh hoạt trong việc lĩnh hội kiến thức và phát triển kỹ năng.
- Không khí học tập sôi nổi, chủ động, tích cực, sáng tạo, nhẹ nhàng.
- Học sinh có cơ hội để khẳng định mình, không còn lúng túng lo ngại khi bước vào giờ học.

Đây cũng chính là những nguyên nhân đi đến kết quả tương đối khả quan của lớp có áp dụng sáng kiến (lớp 46CĐ – KT1) so sánh với kết quả học tập với lớp chưa áp dụng cách thức nêu trên (lớp 46CĐ – KT2+TC1).

Biểu đồ so sánh kết quả





V. Bài học kinh nghiệm và những kiến nghị, đề xuất

1. Bài học kinh nghiệm

Sau khi áp dụng thành công đề tài này bản thân tôi đã gặt được những kết quả đáng kể và những kinh nghiệm quý báu cho bản thân như sau:

Thứ nhất:

- Giáo viên phải luôn tạo môi trường ngoại ngữ trong giờ học, sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ chính để giao tiếp, sử dụng những câu tiếng Anh ngắn gọn, đơn giản, và dễ hiểu sao cho phù hợp với trình độ của người học.
- Giáo viên phải luôn biết khích lệ học sinh sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp bằng kiến thức đã học, không nên quá chú ý đến lỗi của học sinh trong khi nói; không nên buộc học sinh phải dừng nói trong khi học sinh đó đang cố gắng diễn tả ý nghĩ của mình bằng tiếng Anh khiến các em cảm thấy sợ khi nghe và nói.
- Giáo viên có thể lồng ghép các hoạt động nghe và nói tiếng Anh với hình thức “vừa chơi vừa học.”

Thứ hai:

- Giáo viên cần lôi cuốn, thu hút học sinh bằng các hình thức hoạt động, các kỹ thuật dạy nghe phù hợp cho từng giai đoạn của một tiết nghe. Đồng thời, giáo viên cần khai thác hiệu quả các phương tiện dạy nghe.
- Ở giai đoạn luyện tập sau khi nghe, giáo viên cần đưa ra các bài tập phù hợp, có tính năng giao tiếp thực tế cao.

Thứ ba:

- Hướng dẫn các em tự rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh bằng việc nghe qua các bài hát nổi tiếng, qua đài, TV, Internet ... để phục vụ cho việc rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ khác như phát âm, đọc, nói và viết.

2. Những kiến nghị, đề xuất

* Về phía người dạy

Giáo viên cần nâng cao ý thức học hỏi đồng nghiệp để không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy kỹ năng nghe hiểu. Người dạy cần có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp để tìm ra phương pháp dạy tối ưu áp dụng vào bài giảng kỹ năng nghe. Ngoài sự đa dạng về phương pháp, giáo viên cần sử

dụng nhiều nguồn dữ liệu khác nhau, với nhiều yêu cầu có độ khó khác nhau để không làm sinh viên khá cảm thấy chán, đồng thời không làm sinh viên yếu nản vì cảm giác bị bỏ rơi.

Mặt khác, nhằm khắc phục tình trạng lớp đông sinh viên, giáo viên cũng cần khuyến khích sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các đối tượng người học, và khuyến khích sinh viên ý thức được hoạt động tự học ở nhà. Người dạy cần từng bước hướng dẫn, rèn luyện cho người học khả năng suy đoán, suy diễn dựa trên hình ảnh gợi ý ban đầu, hoặc các yếu tố báo hiệu chuyển ý như các liên từ, từ nối câu,... để đoán được thông tin tiếp theo. Kỹ năng phát âm của sinh viên, đặc biệt những trường hợp biến âm như hiện tượng nuốt âm, đồng âm, đồng hoá,... cũng nên được tăng cường trong việc thiết kế các hoạt động nghe hiểu tại lớp.

** Về phía cơ sở:*

Bố trí các lớp học với trang thiết bị thuận lợi cho việc dạy và học kỹ năng nghe, và tốt hơn hết là ở khu vực tách biệt để khỏi ảnh hưởng đến giờ dạy của các giáo viên khác cũng như không bị tác động của những tiếng ồn từ ngoài vào.

Hiện đại hóa phòng Lab, nâng cấp các trang thiết bị, giáo trình nhằm phù hợp với nhu cầu sử dụng trong giảng dạy.

Bố trí số lượng học sinh, sinh viên cho mỗi lớp học phù hợp với đặc thù của môn học ngoại ngữ (khoảng 25 - 30 học sinh / 1 lớp)

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao ý thức học tập cũng như tạo thêm nhiều cơ hội sử dụng tiếng Anh dành cho sinh viên, học sinh, thậm chí cho cả giáo viên ngoại ngữ nói riêng và giáo viên giảng dạy các bộ môn khác trong nhà trường nói chung. Ví dụ như có thể tổ chức hoạt động ngoại khóa thường xuyên với chủ đề “A DAY OF SPEAKING ENGLISH”.

** Về phía lãnh đạo cấp trên:*

Cần tạo điều kiện cho giáo viên có cơ hội giao lưu, học hỏi và rút kinh nghiệm qua các hội thảo chuyên đề, các chuyến tham quan học tập, các khóa đào tạo ngắn hạn và trung hạn ở các cơ sở đào tạo trong nước cũng như ở nước ngoài.

VI. Lời kết

Thành công trong dạy học ngôn ngữ nói chung, trong dạy và học kỹ năng nghe hiểu nói riêng phải là kết quả của những nỗ lực toàn diện không chỉ từ phía người dạy, người học, mà còn từ những yếu tố liên quan như tài liệu giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá,... Xuất phát từ bản chất của môn học, người nghiên cứu mong muốn lý giải những khó khăn đối với người dạy và người học ở các lớp không chuyên ngữ gặp phải trong quá trình giảng dạy và học tập kỹ năng nghe để từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm để cải thiện tình hình. Với sáng kiến kinh nghiệm này, chúng tôi hy vọng sẽ đóng góp phần nhỏ nhằm giúp giáo viên và học sinh nhà trường khắc phục khó khăn để thực hiện việc dạy và học nghe môn tiếng Anh đạt hiệu quả tốt hơn. Hơn nữa, sáng kiến này có thể áp dụng rộng rãi cho các đối tượng giảng dạy và học tập tiếng Anh không thuộc trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp. Về phía bản thân, chúng tôi xin hứa sẽ tiếp tục thừa kế và phát huy những kết quả đã đạt được của việc thực hiện sáng kiến, đồng thời không ngừng học hỏi rút kinh nghiệm, khắc phục những khó

khăn trong giảng dạy để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy môn tiếng Anh của Bộ Giáo Dục Đào Tạo.



DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬP ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Lớp học phần:

Đợt: HKI

[020100039907]

(2013-

Tiếng Anh 3

2014)

(46CĐ-KT1)

S T T	Thông tin sinh viên						Thường xuyên					TB T K	C u ó i k ỳ	V ấ n g t h i	V P Q u y c h ế	Đ i ể m t ổ n g k ế t	T h a n g đ i ể m 4	Đ i ể m c h ữ	X é p l o ạ i	G h i c h ú
	Mã s i n h v i ê n	Họ đ ệ m	T ê n	G i ớ i t í n h	Ngà y s i n h	Lớp h ọ c	Hệ số 1				H ệ s ố 2									
							1	2	3	4										
1	46 21 02 35	Nguyễn Thị	A nh	N ữ	20/0 7/19 94	46CĐ -KT1	6. 0	5 0	7 0	7 0	5 0	5.8	7. 0			7 0			Kh á	
2	46 21 02 36	Nguyễn Thị	Á nh	N ữ	12/1 0/19 92	46CĐ -KT1	7. 0	7 0	8 0	9 0	5 0	6.8	7. 0			7 0			Kh á	
3	46 21 02 37	Ninh Thị	B ă n g	N ữ	10/0 4/19 93	46CĐ -KT1	8. 0	7 0	8 0	9 0	6 0	7.3	8. 0			8 0			Gi ỏi	
4	46 21	Nguyễn	C hi	N ữ	21/0 5/19	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	7 0	8 0	6 0	6.7	7. 0			7 0			Kh á	

	02 38	Thị nh			94			0	0	0	0				0			
5	46 21 02 42	Đỗ Thị	D u n g	N ữ	25/0 3/19 93	46CĐ -KT1	5. 0	6 0	7 0	8 0	8 0	7.0	7. 0		7 0			Kh á
6	46 21 02 40	Hoàn g Thị	D u n g	N ữ	29/0 9/19 92	46CĐ -KT1	7. 0	7 0	6 0	8 0	5 0	6.3	7. 0		7 0			Kh á
7	46 21 02 44	Giáp Thị	D u y ê n	N ữ	20/0 7/19 93	46CĐ -KT1	6. 0	6 0	5 0	8 0	5 0	5.8	7. 0		7 0			Kh á
8	46 21 02 45	Nông Thị	Gi a n g	N ữ	28/0 2/19 93	46CĐ -KT1	7. 0	7 0	7 0	8 0	5 0	6.5	7. 0		7 0			Kh á
9	46 21 02 47	Nguyễn T Phươ ng	H ả o	N ữ	14/0 8/19 94	46CĐ -KT1	8. 0	7 0	7 0	9 0	6 0	7.2	8. 0		8 0			Gi ỏi
1 0	46 21 02 48	Vũ Đình	H ò a	N a m	23/0 4/19 94	46CĐ -KT1	6. 0	5 0	5 0	7 0	7 0	6.2	7. 0		7 0			Kh á
1 1	46 21 02 50	Nguyễn Thị	H ò n g	N ữ	02/0 2/19 94	46CĐ -KT1	6. 0	6 0	8 0	8 0	6 0	6.7	7. 0		7 0			Kh á
1 2	46 21 02 51	Lý A	H u ơ n g	N ữ	13/0 1/19 93	46CĐ -KT1	8. 0	6 0	7 0	9 0	9 0	8.0	8. 0		8 0			Gi ỏi
1 3	46 21 02	Lê Thị	H u ơ n g	N ữ	14/1 0/19 93	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	6 0	7 0	5 0	6.0	7. 0		7 0			Kh á

	52																			
1 4 .	46 21 02 53	Hoàn g Thị	H uy ền	N ữ	03/0 7/19 89	46CĐ -KT1	6. 0	5 0	5 0	7 0	4 0	5.2	6. 0				6 .0			Tru ng bìn h khá
1 5 .	46 21 02 54	Thân Thị Than h	H uy ền	N ữ	18/0 2/19 94	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	7 0	9 0	8 0	7.5	9. 0				8 .0			Gi ỏi
1 6 .	46 21 02 55	Nguy ễn Thị Ngọc	La n	N ữ	07/0 3/19 94	46CĐ -KT1	8. 0	8 0	8 0	9 0	5 0	7.2	8. 0				8 .0			Gi ỏi
1 7 .	46 21 02 56	Nguy ễn Thị Thu	La n	N ữ	18/1 2/19 89	46CĐ -KT1	6. 0	8 0	7 0	6 0	3 0	5.5	7. 0				6 .0			Tru ng bìn h khá
1 8 .	46 21 02 58	Nguy ễn Thị	Lễ	N ữ	05/0 7/19 93	46CĐ -KT1	6. 0	4 0	5 0	8 0	6 0	5.8	8. 0				7 .0			Kh á
1 9 .	46 21 02 60	Đào Thị	Lệ	N ữ	25/0 5/19 94	46CĐ -KT1	5. 0	6 0	8 0	9 0	6 0	6.7	7. 0				7 .0			Kh á
2 0 .	46 21 02 59	Trịnh Thị	Lệ	N ữ	20/1 2/19 94	46CĐ -KT1	7. 0	7 0	6 0	8 0	5 0	6.3	7. 0				7 .0			Kh á
2 1 .	46 21 02 63	Nguy ễn Thuy	Li nh	N ữ	11/1 2/19 94	46CĐ -KT1	7. 0	8 0	5 0	7 0	5 0	6.2	8. 0				7 .0			Kh á
2 2	46 21	Nguy ễn	Li nh	N ữ	27/0 7/19	46CĐ -KT1	8. 0	8 .0	6 .0	7 .0	5 .0	6.5	7. 0				7 .0			Kh á

.	02 62	Thùy			94			0	0	0	0				0			
2 3 .	46 21 02 61	Trương Thị	Li nh	N ữ	18/0 6/19 94	46CĐ -KT1	5. 0	6 0	6 0	7 0	8 0	6.7	7. 0		7 0			Kh á
2 4 .	46 21 02 64	Hoàng Thị	M ai	N ữ	26/1 0/19 94	46CĐ -KT1	6. 0	6 0	5 0	8 0	5 0	5.8	9. 0		8 0			Gi ỏi
2 5 .	46 21 02 65	Đinh Văn	M ạnh	N am	26/0 2/19 90	46CĐ -KT1	6. 0	5 0	8 0	9 0	6 0	6.7	8. 0		7 0			Kh á
2 6 .	46 21 02 67	Đông Thị	M ến	N ữ	23/0 2/19 94	46CĐ -KT1	7. 0	7 0	7 0	9 0	6 0	7.0	8. 0		8 0			Gi ỏi
2 7 .	46 21 02 68	Vi Hải	M y	N ữ	07/0 9/19 94	46CĐ -KT1	5. 0	6 0	5 0	8 0	3 0	5.0	7. 0		6 0			Tru ng bìn h khá
2 8 .	46 21 02 69	Ngô Thị Quỳnh	N ga	N ữ	04/0 7/19 94	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	8 0	8 0	7 0	7.2	9. 0		8 0			Gi ỏi
2 9 .	46 21 02 70	Nguyễn Thị	N gân	N ữ	06/0 8/19 94	46CĐ -KT1	6. 0	6 0	6 0	7 0	5 0	5.8	8. 0		7 0			Kh á
3 0 .	46 21 02 71	Trương Thị	N go an	N ữ	20/1 0/19 94	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	7 0	8 0	5 0	6.3	8. 0		7 0			Kh á
3 1	46 21	Hoàng Thị	N gọc	N ữ	05/0 4/19	46CĐ -KT1	8. 0	6 .	9 .	9 .	6 .	7.3	1 0.		9 .			Xu ất

.	02 72	Linh	c		91			0	0	0	0		0					sắc
3 2 .	46 21 02 73	Kiều Bích	N gọ c	N ữ	06/1 0/19 94	46CĐ -KT1	8. 0	7 0	8 0	9 0	6 0	7.3	8. 0					Gi ỏi
3 3 .	46 21 02 75	Nguyễn Thị Hồng	N gọ c	N ữ	27/8/ 1994	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	7 0	9 0	8 0	7.5	8. 0					Gi ỏi
3 4 .	46 21 02 74	Phạm Đình Linh	N gọ c	N ữ	15/1/ 1994	46CĐ -KT1	7. 0	7 0	8 0	9 0	5 0	6.8	7. 0					Kh á
3 5 .	46 21 02 76	Đoàn Thị Tuyết	Ni nh	N ữ	06/0 8/19 94	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	8 0	8 0	6 0	6.8	7. 0					Kh á
3 6 .	46 21 02 77	Nguyễn Ngọc	O an h	N ữ	02/1 0/19 94	46CĐ -KT1	8. 0	7 0	8 0	8 0	6 0	7.2	8. 0					Gi ỏi
3 7 .	46 21 02 78	Nguyễn Thị	Ph ươ ng	N ữ	10/0 7/19 94	46CĐ -KT1	6. 0	6 0	7 0	7 0	4 0	5.7	6. 0					Tru ng bìn h khá
3 8 .	46 21 02 79	Đỗ Văn	Q uý	N a m	31/0 7/19 93	46CĐ -KT1	3. 0	6 0	6 0	6 0	8 0	6.2	7. 0					Kh á
3 9 .	46 21 02 81	Vi Thị	Tâ m	N ữ	21/1 0/19 93	46CĐ -KT1	7. 0	6 0	6 0	8 0	5 0	6.2	7. 0					Kh á
4 0	46 21	Đặng Thị	T hu	N ữ	08/0 2/19	46CĐ -KT1	7. 0	7 .	8 .	9 .	8 .	7.8	8. 0					Gi ỏi

	02 86	Hồng ý			94			0	0	0	0				0			
4 1 .	46 21 02 87	Nguyễn ễn Minh	T hú y	N ữ	19/1 1/19 94	46CD -KT1	6. 0	5 0	8 0	7 0	7 0	6.7	7. 0		7 0			Kh á
4 2 .	46 21 02 88	Trần Thu	Tr an g	N ữ	01/0 5/19 94	46CD -KT1	7. 0	6 0	8 0	8 0	6 0	6.8	8. 0		8 0			Gi ỏi
Tổng cộng:		42																

**P. Trưởng đơn
vị**

Giáo viên

**Nguyễn Thị
Thanh Hương**

Vũ Thị Thu Hương



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬP ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: **Lớp học phần:**
HKI **[020100039906]**
(2013- **Tiếng Anh 3**
2014) **(46CD-TC1)**

S T T	Thông tin sinh viên						Thường xuyên		T B T	Cu ối kỳ	V ấ n	V P	Đ i ể m	T Đ h a	Đ i ể n	X é p l o ạ i	C h i
	M	Họ	T	G	Ngày	Lớp	Hệ số 1	H									

	ã s i n h v i ê n	đ ê m	ê n	i ó i t i n h	y s i n h	h o c	ê s ố					K		g t h i	Q u y c h ế	t ổ n g k ế t	n g đ i ễ m	m c h ữ	i c h	ú
							1	2	3	4	2									
1	46 21 02 90	Nguyễn Thị Ngọc	Á nh	N ữ	03/0 8/19 93	46CD -KT2	8 . 0	8. 0	8 . 0	9 . 0	7 . 0	7 . 8	7.0			7 . 0			Kh á	
2	46 21 04 86	Ngô Duy	C ư ờ n g	N a m	04/1 1/19 92	46CD -KT2	1 . 0	5. 0	5 . 0	6 . 0	5 . 0	4 . 5	6.0			5 . 0			Tru n g b i n h	
3	46 21 02 92	Hà Thị	Đ i ễ m	N ữ	23/5/ 1993	46CD -KT2	7 . 0	6. 0	7 . 0	6 . 0	5 . 0	6 . 0	7.0			7 . 0			Kh á	
4	46 21 03 21	Vũ Quang	Đ ô n g	N a m	16/0 2/19 93	46CD -TC1	6 . 0	5. 0	5 . 0	6 . 0	6 . 0	5 . 7	5.0			5 . 0			Tru n g b i n h	
5	46 21 03 23	Trần Minh	H à	N a m	04/1 1/19 94	46CD -TC1	4 . 0	5. 0	6 . 0	5 . 0	6 . 0	5 . 3	5.0			5 . 0			Tru n g b i n h	
6	46 21 02 94	Nguyễn Thị Ngọc	H à i	N a m	30/1 1/19 94	46CD -KT2	6 . 0	4. 0	5 . 0	6 . 0	5 . 0	5 . 2	5.0			5 . 0			Tru n g b i n h	
7	46 21 02 97	Nguyễn Thị	H o à n	N ữ	17/4/ 1994	46CD -KT2	7 . 0	5. 0	5 . 0	9 . 0	5 . 0	6 . 0	6.0			6 . 0			Tru n g b i n h khá	

8	46 21 03 26	Đặng Vũ	H oà ng	N a m	20/0 6/19 94	46CD -TC1	6 0	3. 0	6 0	6 0	4 0	4 8	6.0	6 0	Tru ng bìn h khá
9	46 21 02 98	Nguyễn Xuân	H ư ng	N a m	10/2/ 1994	46CD -KT2	4 0	1. 0	5 0	6 0	6 0	4 7	5.0	5 0	Tru ng bìn h
1 0	46 21 03 28	Nguyễn T Thu	H ư o n g	N ữ	01/0 5/19 94	46CD -TC1	7 0	6. 0	8 0	8 0	6 0	6 8	7.0	7 0	Kh á
1 1	46 21 02 99	Nguyễn Thị Lan	H ư o n g	N ữ	26/0 7/19 94	46CD -KT2	7 0	1. 0	6 0	5 0	4 0	4 5	7.0	6 0	Tru ng bìn h khá
1 2	46 21 03 29	Nguyễn Thị	H ư o n g	N ữ	14/0 6/19 94	46CD -TC1	8 0	5. 0	5 0	8 0	5 0	6 0	4.0	5 0	Tru ng bìn h
1 3	46 21 03 30	Mã Văn	H u y nh	N a m	15/1 2/19 93	46CD -TC1	7 0	4. 0	6 0	7 0	6 0	6 0	6.0	6 0	Tru ng bìn h khá
1 4	46 21 03 32	Giáp Mỹ	Li nh	N ữ	08/1 0/19 94	46CD -TC1	7 0	5. 0	7 0	7 0	5 0	6 0	6.0	6 0	Tru ng bìn h khá
1 5	46 21 03 31	Lưu Khánh	Li nh	N ữ	02/1 0/19 94	46CD -TC1	6 0	5. 0	5 0	7 0	5 0	5 5	6.0	6 0	Tru ng bìn h khá

1 6 .	46 21 03 00	Nguyễn Thị Ngọc	Li nh	N ữ	28/0 8/19 94	46CD -KT2	8 .	7. 0	8 .	9 .	8 .	8 .	9.0			9 .		Xu ất sắc
1 7 .	46 21 03 02	Đào Thị	L ý	N ữ	16/1 0/19 94	46CD -KT2	7 .	7. 0	7 .	9 .	7 .	7 .	8.0			8 .		Giỏ i
1 8 .	46 21 03 01	Ngô Thị	L ý	N ữ	7/6/1 994	46CD -KT2	8 .	7. 0	7 .	9 .	5 .	6 .	8.0			8 .		Giỏ i
1 9 .	46 21 03 33	Lý Thị	M ai	N ữ	25/0 4/19 94	46CD -TC1	8 .	7. 0	5 .	9 .	5 .	6 .	8.0			7 .		Kh á
2 0 .	46 21 03 03	Trần Thị	M ai	N ữ	10/7/ 1994	46CD -KT2	6 .	7. 0	7 .	9 .	5 .	6 .	8.0			7 .		Kh á
2 1 .	46 21 03 34	Nguyễn Thành	N a m	N a m	25/0 1/19 93	46CD -TC1	7 .	6. 0	5 .	7 .	7 .	6 .	6.0			6 .		Tru ng bìn h khá
2 2 .	46 21 03 05	Nguyễn Thị	N ga	N ữ	15/2/ 1994	46CD -KT2	5 .	5. 0	7 .	8 .	6 .	6 .	8.0			7 .		Kh á
2 3 .	46 21 03 06	Nguyễn Thị Bích	P h ư ong	N ữ	20/0 8/19 94	46CD -KT2	6 .	7. 0	8 .	9 .	6 .	7 .	8.0			8 .		Giỏ i
2 4 .	46 21 03	Nguyễn Thị	T h ắ m	N ữ	09/1 993	46CD -KT2	5 .	8. 0	7 .	9 .	7 .	7 .	9.0			8 .		Giỏ i

	08																		
25	46 21 03 36	Đỗ Minh	T hà nh	N a m	14/0 4/19 92	46CD -TC1	7 0	5. 0	5 0	8 0	6 0	6 2	7.0			7 0			Kh á
26	46 21 03 10	Nguyễn Thị	T h o a	N ữ	17/1 2/19 94	46CD -KT2	6 0	5. 0	5 0	5 0	5 0	5 2	8.0			7 0			Kh á
27	46 21 03 14	Thân Thị	Tr a n g	N ữ	10/1 2/19 92	46CD -KT2	6 0	7. 0	7 0	9 0	7 0	7 2	8.0			8 0			Gi o i
28	46 21 03 38	Kh o n g M ạ nh	Tr ư ờ n g	N a m	07/1 0/19 92	46CD -TC1	8 0	4. 0	7 0	8 0	5 0	6 2	7.0			7 0			Kh á
29	46 21 03 16	Ph ạ m H o n g	U y ê n	N ữ	14/1 1/19 94	46CD -KT2	6 0	6. 0	7 0	9 0	4 0	6 0	8.0			7 0			Kh á
30	46 21 03 39	Đo ã n Th ị	V â n	N ữ	25/1 2/19 93	46CD -TC1	8 0	4. 0	6 0	8 0	5 0	6 0	8.0			7 0			Kh á
31	46 21 03 40	Tr ầ n V ă n	V ũ	N a m	21/3/ 1993	46CD -TC1	8 0	7. 0	7 0	8 0	6 0	7 0	8.0			8 0			Gi o i
32	46 21 03 18	L ý H ả i	Y ê n	N ữ	31/1 2/19 94	46CD -KT2	8 0	7. 0	7 0	9 0	6 0	7 2	9.0			8 0			Gi o i
33	46 21 03 17	Th â n Th ị	Y ê n	N ữ	26/1 1/19 94	46CD -KT2	8 0	8. 0	7 0	9 0	6 0	7 3	9.0			8 0			Gi o i

Tổng cộng:	33
-----------------------	-----------